TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 154/2021/DS-PT Ngày: 02-02-2021 V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Quy

Ông Uông Văn Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phạm Duy Tuấn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 607/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 11 năm 2020, về việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 341/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6390/2020/QĐ-PT ngày 17/12/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Chung T; địa chỉ: Số 114/7/8 đường D, Phường 5, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Công C; địa chỉ: Số 133/48/7A đường Q, Phường 10, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 001160, quyển số 02/TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 18/02/2020 tại Văn phòng Công chứng E), (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Nhà hàng H; địa chỉ: A12 đường P, Phường 7, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Khánh Mai Tr, địa chỉ: Số 127/2/39 đường B, Phường 13, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền lập ngày 23/9/2020), (vắng mặt).

Người làm chứng:

- Ông Trần Phú M; sinh năm 1983; địa chỉ: 222/7 đường Q, Phường 10, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Ông Vũ Đình N; sinh năm 1987; địa chỉ: Số 168/9/3B đường số 8, Phường 11, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Chung T – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2019, đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 19/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Công C trình bày:

Ngày 01/8/2018, ông T có đến Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ nhà hàng H (gọi tắt là Nhà hàng H) để đặt tiệc đám cưới, tại đây ông T gặp bà Nguyễn Thị L tự xưng là Ca trưởng và ký một văn bản là Biên nhận đặt cọc tiệc. Ngày 12/11/2018 ông T tiếp tục ký với bà L hợp đồng đặt tiệc và bà L yêu cầu ông T đặt cọc trước số tiền 51.000.000 (Năm mươi mốt triệu) đồng. Ông T đã giao đủ số tiền 51.000.000 đồng cho Nhà hàng. Sau khi xem những văn bản trên ông T thấy rằng việc giao kết hợp đồng là trái pháp luật bởi các lẽ:

1/ Người ký kết hợp đồng không có thẩm quyền.

Trong các hợp đồng và biên nhận cọc chỉ thể hiện đại diện Nhà hàng H là bà Nguyễn Thị L với chức vụ là "Ca trưởng". Theo bản thân tìm hiểu thì ông được biết Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Nhà hàng H có mã số thuế doanh nghiệp: 0303937095, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn Lam; do đó, các hợp đồng nhân danh Nhà hàng phải được ký kết hợp pháp. Theo Khoản 1 Điều 86 Luật Doanh nghiệp 2014 thì nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác thì các hợp đồng hoặc giao dịch giữa công ty và các đối tượng sau đây phải được Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên xem xét quyết định.

Theo Điều 87 Bộ luật Dân sự 2015 quy định trách nhiệm dân sự của pháp nhân như sau: "1. Pháp nhân phải chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện nhân danh pháp nhân".

Và tại Điều 142 Bộ luật Dân sự 2015 quy định thì hậu quả của việc này như sau:

"1. Giao dịch dân sự do người không có quyền đại diện xác lập, thực hiện không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với người được đại diện".

2/ Không đảm bảo hình thức hợp đồng"

Hợp đồng đặt tiệc ngày 12/11/2018 không có điều khoản quy định giá dịch vụ là bao nhiêu. Hợp đồng không được đóng dấu hợp pháp.

Do đó hợp đồng đặt tiệc ngày 12/11/2018 và các văn bản khác có liên quan giữa Nhà hàng H và ông T vô hiệu, không có giá trị ngay từ thời điểm ký kết.

Theo Điều 131 Bộ luật Dân sự 2015 quy định:

"1. Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập.

2. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận."

Từ những căn cứ trên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

"Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Nhà hàng H trả lại cho ông T số tiền cọc là 51.000.000 (năm mươi mốt triệu) đồng và hủy hợp đồng đặt tiệc ngày 12/11/2018 giữa ông T và Nhà hàng H.

* Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Nhà hàng H do bà Nguyễn Khánh Mai Tr là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01/8/2018, Nhà hàng H có nhận đặt cọc giữ chỗ của ông Nguyễn Chung T số tiền là 1.000.000 đồng đến ngày 03/8/2018 ông T đến nhà hàng chính thức đặt cọc cho tiệc cưới và đặt bàn tiệc vào ngày 12/01/2019 tại sảnh D, số lượng 30 bàn lúc 17h và đặt cọc cho Nhà hàng số tiền là 9.000.000 đồng. Đến ngày 12/11/2018, theo lịch hẹn ông T đến nhà hàng chính thức ký hợp đồng đặt tiệc vào lúc 17h ngày 12/01/2019 (ngày 7/12 âm lịch) tại sảnh D, số lượng bàn là 30 bàn và đặt cọc tiếp số tiền 41.000.000 đồng; tổng cộng số tiền ông T đã đặt cọc là 51.000.000 đồng.

Đến ngày 24/12/2018, ông T đến Nhà hàng xin chuyển ngày đãi tiệc sang ngày 21/6/2019 với số lượng 32 bàn nên hai bên đã ký biên bản bổ sung, sửa đổi ngày 24/12/2018. Tuy nhiên, đến ngày 21/6/2019, Nhà hàng tổ chức tiệc cưới theo đúng hợp đồng hai bên đã thỏa thuận nhưng không thấy ông T và gia đình lên Nhà hàng đãi tiệc; do đó, Nhà hàng đã lập biên bản sự việc ngày 21/6/2019 có đại diện Ủy ban nhân dân Phường 7, quận X chứng kiến sự việc. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Nhà hàng không đồng ý trả lại số tiền đã nhận cọc là 51.000.000 đồng vì trong vụ việc trên Nhà hàng không có lỗi.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền cọc là 41.000.000 đồng.

Đại diện bị đơn bà Nguyễn Khánh Mai Tr cũng như Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

- Căn cứ Quyết định số 20/2018 ngày 01/02/2018 về việc bổ nhiệm chức danh ca trưởng và giấy ủy quyền lập ngày 20/5/2018 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Nhà hàng H thì bà Nguyễn Thị L được bổ nhiệm chức danh ca trưởng có các quyền đại diện giám đốc trực tiếp thương thảo, ký hợp đồng đối

với khách hàng đến đặt tiệc, lập biên bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng, thu tiền đặt cọc bàn tiệc và nhận tiền thanh toán tiệc của khách hàng.

- Quy định tại Khoản 1 Điều 86 Luật Doanh nghiệp 2014 mà nguyên đơn viện dẫn, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên còn Nhà hàng H không thuộc trường hợp này.

- Đối với ý kiến của nguyên đơn về việc các văn bản do bà L đại diện Nhà hàng ký kết không đóng dấu nên vô hiệu là không có căn cứ. Theo quy định tại Điều 44 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty thì các văn bản do bà L đại diện Nhà hàng ký không thuộc trường hợp bắt buộc phải đóng dấu nên không ảnh hưởng đến giá trị của hợp đồng.

Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở xác định giao dịch ký kết giữa Nhà hàng H và ông T là hoàn toàn hợp pháp nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 341/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận X đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chung T.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chung T về việc hủy Biên nhận đặt cọc tiệc ngày 01/8/2018, Biên bản bổ sung, sửa đổi ngày 03/8/2018, Hợp đồng đặt tiệc ngày 12/11/2018, Biên bản bổ sung, sửa đổi ngày 05/12/2018 và Biên bản bổ sung, sửa đổi ngày 24/12/2018 được ký kết giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Nhà hàng H do bà Nguyễn Thị L là đại diện với đại diện khách hàng là ông Nguyễn Chung T và buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Nhà hàng H phải trả lại tiền cọc 41.000.000đ (bốn mươi mốt triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 13/10/2020, Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Đơn kháng cáo của nguyên đơn là ông Nguyễn Chung T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo – ông Nguyễn Chung T có người đại diện là ông Nguyễn Công C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện bị đơn: vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 341/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận X theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, ngày 30/9/2020, Tòa án nhân dân quận X tuyên án, ngày 13/10/2020, nguyên đơn nộp đơn kháng cáo và đã đóng tạm ứng án phí theo quy định; do đó, đơn kháng cáo của nguyên đơn hợp lệ và được xem xét theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn đồng thời là người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện bị đơn có đơn xin hoãn phiên tòa mặc dù đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn – ông Nguyễn Chung T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của hai bên đương sự thì có sự việc nguyên đơn và bị đơn đã ký kết các văn bản về việc đặt cọc tiệc cưới của chính nguyên đơn và nguyên đơn đã đặt cọc số tiền 51.000.000 đồng. Nguyên đơn cho rằng bà Nguyễn Thị L không có thẩm quyền ký hợp đồng đặt cọc nên hợp đồng không có hiệu lực và yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã đặt cọc. Thấy rằng, bà Nguyễn Thị L là người đại diện theo ủy quyền của Nhà hàng H, đã có văn bản ủy quyền hợp lệ của Công ty; do đó, bà L có thẩm quyền đại diện Nhà hàng H ký kết hợp đồng. Cấp sơ thẩm đã xem xét về hình thức và nội dung của Biên nhận đặt cọc tiệc ngày 01/8/2018, Biên bản bổ sung, sửa đổi ngày 03/8/2018, Hợp đồng đặt tiệc ngày 12/11/2018, Biên bản bổ sung, sửa đổi ngày 05/12/2018 và Biên bản bổ sung, sửa đổi ngày 24/12/2018 phù hợp với các quy định tại các Điều 134, 135, 138, 385, và Điều 398 Bộ luật Dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực thực hiện đối với các bên trong hợp đồng là có cơ sở.

Bị đơn xác nhận nguyên đơn đã đặt tiền giữ chỗ và 02 lần đặt cọc tổng cộng là 51.000.000 đồng (năm mươi mốt triệu đồng) là phù hợp với nội dung mà các bên thỏa thuận theo phương thức đặt cọc quy định tại Điều 5 của Hợp đồng

đặt tiệc ngày 12/11/2018. Tuy nhiên đến ngày 24 tháng 01 năm 2019, nguyên đơn có yêu cầu hủy Hợp đồng và trả lại tiền cọc nhưng bị đơn không đồng ý; do đó, nguyên đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng là không đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ thỏa thuận tại mục 3 phần Cam kết chung của Hợp đồng đặt tiệc ngày 12/11/2018 quy định về trường hợp Bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng như sau: "Nếu Bên B có yêu cầu hủy hợp đồng bằng văn bản (trước ngày đãi tiệc 7 ngày) và được bên A chấp nhận thì bên B mất toàn bộ số tiệc cọc đã đặt và không được chuyển nhượng với bất cứ hình thức nào…."

Khoản 2 Điều 328 Bộ luật Dân sự quy định về Đặt cọc như sau: "…2. Trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền; nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận cọc…"

Với các lý lẽ trên, xét không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 341/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân quận X, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại tiền đặt cọc của nguyên đơn.

Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.050.000 đồng. Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – ông Nguyễn Chung T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 341/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Nguyễn Chung T về việc đòi bị đơn – Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Nhà hàng H phải trả lại số tiền đặt cọc là 41.000.000 đồng.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Chung T phải chịu án phí là 2.050.000 đồng (hai triệu không trăm năm mươi ngàn đồng)); khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 1.275.000 đồng (một triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000963 ngày 21/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, ông T phải nộp thêm số tiền chênh lệch là 775.000 đồng (bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Chung T phải phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0027186 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân quận X;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận X;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hương